

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/04/2011 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015: 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3886497 - Fax: (84) 0511.3887793
- Website: www.sachgiaoduc.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2015 là 28 người, trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
• Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
		Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
• Ông Phạm Nhiêu	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014

Ban Kiểm soát

• Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Ông Đặng Lê	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Nhiêu	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

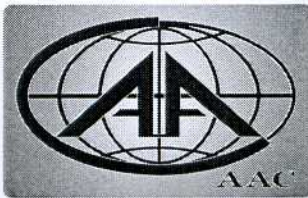
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Nhiều

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 795/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 10/07/2015 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2015

Phạm Nguyễn Hương Ly – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1926-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.604.661.970	30.375.872.128
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.580.656.328	3.146.636.584
1. Tiền	111	5	1.580.656.328	3.146.636.584
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.545.733.479	9.992.733.783
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.624.036.071	10.292.988.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	89.093.124
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	258.087.933	179.620.885
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(336.390.525)	(568.968.808)
IV. Hàng tồn kho	140	10	14.585.312.758	16.289.518.558
1. Hàng tồn kho	141		16.230.419.279	17.934.625.079
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.645.106.521)	(1.645.106.521)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		892.959.405	946.983.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	793.148.187	843.700.900
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.981.540	44.816.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	79.829.678	58.465.379
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.958.214.193	10.826.690.351
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		950.000.000	950.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	950.000.000	950.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.218.918.274	4.404.437.590
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.718.518.274	2.904.037.590
- Nguyên giá	222		5.649.084.372	5.610.234.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.930.566.098)	(2.706.196.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.151.109.074	1.167.516.709
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	1.167.516.709	1.167.516.709
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.407.635)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.638.186.845	4.304.736.052
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.638.186.845	4.304.736.052
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		44.562.876.163	41.202.562.479

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.059.406.294	15.384.479.917
I. Nợ ngắn hạn	310		9.974.789.131	7.825.686.584
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14 a	6.147.970.194	3.429.598.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	4.403.800	28.849.003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	568.879.592	51.922.061
4. Phải trả người lao động	314		1.241.674.043	551.830.486
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17 a	505.321.067	93.248.514
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.268.602.500	3.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		237.937.935	670.237.935
II. Nợ dài hạn	330		6.084.617.163	7.558.793.333
1. Phải trả người bán dài hạn	331	14 b	6.072.617.163	7.546.793.333
2. Phải trả dài hạn khác	337	17 b	12.000.000	12.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.503.469.869	25.818.082.562
I. Vốn chủ sở hữu	410		28.503.469.869	25.818.082.562
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	1.164.460.301	1.164.460.301
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	9.492.483.369	6.807.096.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.807.096.062	5.687.677.041
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.685.387.307	1.119.419.021
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		44.562.876.163	41.202.562.479



Giám đốc

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	32.932.579.336	30.716.347.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	355.309.229	29.751.980
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		32.577.270.107	30.686.595.535
4. Giá vốn hàng bán	11	23	24.143.112.459	22.715.761.223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.434.157.648	7.970.834.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	106.708.732	147.682.020
7. Chi phí tài chính	22	25	220.987.955	81.261.893
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	102.070.343	40.700.000
8. Chi phí bán hàng	25	26	1.915.074.765	2.006.324.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.987.621.565	2.637.541.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.417.182.095	3.393.388.243
11. Thu nhập khác	31	27	3.227.273	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		3.227.273	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.420.409.368	3.393.388.243
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	735.022.061	731.529.138
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.685.387.307	2.661.859.105
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.792	1.776
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.792	1.776



Giám đốc

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	23.343.261.596	20.520.379.693
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(20.222.493.216)	(24.143.273.590)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.804.161.000)	(1.916.726.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(100.488.029)	(40.700.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(147.989.416)	(163.784.025)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	298.030.855	223.761.760
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.321.103.878)	(1.112.699.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.056.912	(6.633.041.772)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(38.850.000)	-
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	159.210.332	152.983.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	120.360.332	152.983.390
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.640.091.691	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.371.489.191)	(1.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.198.944.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.731.397.500)	2.301.056.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.565.980.256)	(4.179.002.382)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.146.636.584	5.728.399.473
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.580.656.328	1.549.397.091



Giám đốc

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/04/2011 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty đầu tư góp vốn:

- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục, tỷ lệ góp vốn 0,55%;
- Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ góp vốn 0,52%;
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam, tỷ lệ góp vốn 12,5%;
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, tỷ lệ góp vốn 8,76%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết, công ty liên doanh được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 1 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định .
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ là trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho,

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	201.131.610	80.196.929
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.379.524.718	3.066.439.655
Cộng	1.580.656.328	3.146.636.584

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015				31/12/2014				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	Đang hoạt động	0,55%	10.294	118.937.709	-	161.615.800	118.937.709	-	212.056.400
- Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh (STC)	Đang hoạt động	0,52%	29.300	456.275.000	-	597.720.000	456.275.000	-	521.540.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam	Đang hoạt động	12,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	16.407.635	-	350.000.000	-	-
Cộng				1.167.516.709	16.407.635		1.167.516.709		

- Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty Cổ phần In PHS & TBTH Quảng Nam có lỗi. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn.
 - Do cổ phiếu của Công ty Cổ phần In PHS & TBTH Quảng Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	5.387.886.690	3.634.255.341
Nhà sách Yên Công	2.522.756.710	1.068.149.695
Các đối tượng khác	11.713.392.671	5.590.583.546
Cộng	<u>19.624.036.071</u>	<u>10.292.988.582</u>

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
		VND	VND
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	1.054.149.102	346.198.863
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5.387.886.690	3.634.255.341
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.961.247.602	81.602.751
Các đối tượng khác		365.418.770	320.846.598
Cộng		<u>8.768.702.164</u>	<u>4.382.903.553</u>

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cán bộ CNV về thuế TNCN	25.515.885	-	25.515.885	-
Phải thu về cổ tức được nhận	-	-	52.501.600	-
Phải thu CBCNV tiền BHXH-BHYT-BHTN	83.793.048	-	-	-
Phải thu khác	4.040.000	-	-	-
Tạm ứng	144.739.000	-	101.603.400	-
Cộng	<u>258.087.933</u>	<u>-</u>	<u>179.620.885</u>	<u>-</u>

b. Dài hạn

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Quỹ đầu tư xuất bản (i)	950.000.000	-	950.000.000	-
Cộng	<u>950.000.000</u>	<u>-</u>	<u>950.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- (i) Là khoản tiền Công ty góp vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư 09/DAE/2013/ĐTXB ngày 30/12/2013. Mục đích: Đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 30/12/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	214.611.567	447.189.850
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	121.778.958	121.778.958
Cộng	336.390.525	568.968.808

10. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	76.480.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.952.515.057	-	5.777.986.880	-
Chi phí SX, KD dở dang	652.550.610	-	2.679.893.074	-
Thành phẩm	11.503.593.065	1.645.106.521	9.436.004.870	1.645.106.521
Hàng hóa	5.464.110	-	5.908.627	-
Hàng gửi bán	39.816.437	-	34.831.628	-
Cộng	16.230.419.279	1.645.106.521	17.934.625.079	1.645.106.521

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hải Vân là 5.000.000.000 đồng.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Thuế GTGT đầu vào của hàng tồn kho chờ phân bổ	789.703.630	789.703.630
Chi phí thiết kế biên tập	-	53.997.270
Phí quản lý xuất bản	3.444.557	-
Cộng	793.148.187	843.700.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí tổ chức bán thảo	1.638.186.845	4.304.736.052
Cộng	1.638.186.845	4.304.736.052

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	3.697.596.119	1.814.547.344	98.090.909	5.610.234.372
Mua sắm trong kỳ	-	38.850.000	-	38.850.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.697.596.119	1.853.397.344	98.090.909	5.649.084.372
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.034.390.842	1.573.715.031	98.090.909	2.706.196.782
Khấu hao trong kỳ	73.951.920	150.417.396	-	224.369.316
Số cuối kỳ	1.108.342.762	1.724.132.427	98.090.909	2.930.566.098
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	2.663.205.277	240.832.313	-	2.904.037.590
Số cuối kỳ	2.589.253.357	129.264.917	-	2.718.518.274

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 467.644.290 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/6/2015 là 2.589.253.357 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá 1.500.400.000 đồng tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	923.553.916	1.232.554.693
Công ty CP Bản Đồ & Tranh ảnh Giáo Dục	1.238.921.900	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	761.952.326	57.229.970
Các đối tượng khác	3.223.542.052	2.139.813.922
Cộng	6.147.970.194	3.429.598.585

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	-	85.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	6.072.617.163	7.461.793.333
Cộng	6.072.617.163	7.546.793.333

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư	761.952.326	57.229.970
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	6.996.171.079	8.694.348.026
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	1.238.921.900	-
Các đối tượng khác		576.875.994	208.106.688
Cộng		9.573.921.299	8.959.684.684

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Nhà sách Tân Văn	4.403.800	-
Nhà Sách Minh Trí	-	28.849.003
Cộng	4.403.800	28.849.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	-	35.226.587	35.226.587	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(38.229.452)	735.022.061	147.989.416	548.803.193
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	51.922.061	83.643.002	115.488.664	20.076.399
Thuế thu nhập cá nhân	(20.235.927)	38.813.000	98.406.751	(79.829.678)
Cộng	(6.543.318)	892.704.650	397.111.418	489.049.914

17. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	31.360.960	19.781.920
Chiết khấu thương mại	328.240.504	-
Chiết khấu thanh toán	91.490.710	-
Phải trả khác	54.228.893	73.466.594
Cộng	505.321.067	93.248.514

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.000.000	12.000.000
Cộng	12.000.000	12.000.000

18. Vay ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN-CN Hải Vân	3.000.000.000	4.640.091.691	6.371.489.191	1.268.602.500
Cộng	3.000.000.000	4.640.091.691	6.371.489.191	1.268.602.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	14.986.800.000	2.005.392.725	854.333.474	936.063.741	6.886.621.041
Tăng trong năm	-	-	-	228.396.560	4.567.931.197
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.647.456.176
Số dư tại 31/12/2014	<u>14.986.800.000</u>	<u>2.005.392.725</u>	<u>854.333.474</u>	<u>1.164.460.301</u>	<u>6.807.096.062</u>
Số dư tại 01/01/2015	14.986.800.000	2.859.726.199	-	1.164.460.301	6.807.096.062
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.685.387.307
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2015	<u>14.986.800.000</u>	<u>2.859.726.199</u>	<u>-</u>	<u>1.164.460.301</u>	<u>9.492.483.369</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
Cộng	<u>14.986.800.000</u>	<u>14.986.800.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	14.986.800.000	14.986.800.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	14.986.800.000	14.986.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.198.944.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	6.807.096.062	6.886.621.041
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.685.387.307	4.567.931.197
Phân phối lợi nhuận	-	4.647.456.176
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	1.198.944.000
- Chia cổ tức	-	1.198.944.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	3.448.512.176
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	-	228.396.560
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	-	228.396.560
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (13%)	-	593.831.056
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	2.397.888.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.492.483.369	6.807.096.062

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	Số tiền	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty In - Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi	139.339.351	Công ty đã giải thể

21. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng doanh thu bán hàng	32.932.579.336	30.716.347.515
+ Doanh thu sách giáo khoa	501.811.176	277.425.950
+ Doanh thu sách bổ trợ	3.993.792.671	3.954.015.896
+ Doanh thu sách tham khảo	26.524.503.285	24.884.919.720
+ Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.458.370.856	1.599.985.949
+ Doanh thu nhượng bán vật tư	454.101.348	-
Cộng	32.932.579.336	30.716.347.515

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chiết khấu thương mại	328.240.504	-
Hàng bán bị trả lại	27.068.725	29.751.980
Cộng	355.309.229	29.751.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa	457.975.714	224.013.977
Giá vốn sách bổ trợ	3.007.978.321	3.000.716.217
Giá vốn sách tham khảo	18.392.523.104	17.242.666.678
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.319.429.232	1.435.794.688
Giá vốn vật tư	348.589.600	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	616.616.488	812.569.663
Cộng	24.143.112.459	22.715.761.223

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.208.732	39.026.220
Cổ tức, lợi nhuận được chia	102.500.000	108.655.800
Cộng	106.708.732	147.682.020

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	102.070.343	40.700.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	102.509.977	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.790.000
Dự phòng tổn thất vốn đầu tư dài hạn	16.407.635	31.771.893
Cộng	220.987.955	81.261.893

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương nhân viên bán hàng	1.320.406.739	1.058.737.132
Chi phí vận chuyển sách	338.822.221	286.646.989
Chi phí thuê kho	152.727.272	152.727.272
Tuyên truyền, quảng cáo	50.768.164	453.876.328
Chi phí khác	52.350.369	54.337.000
Cộng	1.915.074.765	2.006.324.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	1.173.597.818	977.295.816
Khấu hao TSCĐ	218.451.301	218.630.718
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	183.965.997	106.589.572
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	685.705.916	340.067.996
Chi phí khác	725.900.533	994.957.373
Cộng	2.987.621.565	2.637.541.475

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Các khoản khác	3.227.273	-
Cộng	3.227.273	-

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.420.409.368	3.393.388.243
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(79.400.000)	(68.255.800)
- Điều chỉnh tăng (Thù lao HĐTV không tham gia điều hành)	23.100.000	40.400.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	102.500.000	108.655.800
Tổng thu nhập chịu thuế	3.341.009.368	3.325.132.443
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	735.022.061	731.529.138

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.685.387.307	2.661.859.105
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.685.387.307	2.661.859.105
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.792	1.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.351.575.326	7.662.317.008
Chi phí nhân công	2.667.604.904	2.627.525.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.287.326	218.630.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.430.591.554	11.900.521.444
Chi phí khác bằng tiền	711.676.018	966.367.146
Cộng	21.161.447.802	23.375.362.215

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.147.970.194	6.072.617.163	12.220.587.357
Vay và nợ thuê tài chính	1.268.602.500	-	1.268.602.500
Phải trả khác	473.960.107	12.000.000	485.960.107
Cộng	7.890.532.801	6.084.617.163	13.975.149.964

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.429.598.585	7.546.793.333	10.976.391.918
Vay và nợ thuê tài chính	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải trả khác	73.466.594	12.000.000	85.466.594
Cộng	6.503.065.179	7.558.793.333	14.061.858.512

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.580.656.328	-	1.580.656.328
Phải thu khách hàng	19.287.645.546	-	19.287.645.546
Đầu tư tài chính	-	1.151.109.074	1.151.109.074
Phải thu khác	113.348.933	950.000.000	1.063.348.933
Cộng	20.981.650.807	2.101.109.074	23.082.759.881

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.146.636.584	-	3.146.636.584
Phải thu khách hàng	9.724.019.774	-	9.724.019.774
Đầu tư tài chính	-	1.167.516.709	1.167.516.709
Phải thu khác	78.017.485	950.000.000	1.028.017.485
Cộng	12.948.673.843	2.117.516.709	15.066.190.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CPĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CPĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư

100
NG
V.H
IVÀ
A
- TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	năm 2015	năm 2014
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB, thuê kho	1.543.935.141	1.237.279.091
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	In gia công	223.977.530	355.366.655
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	In gia công	1.390.855.809	1.693.722.547
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tổ chức bản thảo	5.684.111.823	8.502.826.336
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Tổ chức bản thảo	41.300.000	15.200.000
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Tập bản đồ, Atlas	1.541.710.400	1.653.391.360
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Sách tham khảo	2.007.567.631	1.723.675.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Sách tham khảo	3.697.255.060	3.569.542.480
Công ty CP Sách Dân tộc	Sách tham khảo	8.463.000	16.027.620
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Sách tham khảo	143.430.000	-
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	727.117.680	367.450.852
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Sách giáo khoa	484.195.660	236.322.160
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	79.351.700	100.521.200
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư	339.212.785	12.325.340
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	3.015.517.870	2.391.291.580
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư	7.590.360.760	6.602.160.520
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	3.994.256.431	3.976.395.418
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	43.882.040	99.756.520
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	382.420.290	370.785.703
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	153.885.480	-
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	807.488.630	666.867.140
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.133.798.770	1.608.632.420

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Ban Giám đốc	Thu nhập	316.638.000	352.364.000
Hội đồng quản trị	Thù lao	100.100.000	94.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.



Giám đốc

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình